

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số 0104798552, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện pháp luật, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính, thay đổi vốn pháp định, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 62 659 598
- Fax : 024 62 659 528

Hoạt động kinh doanh của Công ty :

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng hạ tầng khu đô thị - KCN;
- Kinh doanh BĐS, dịch vụ môi giới BĐS;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ các công trình công cộng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Quyển	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Văn Ngu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016
Ông Đỗ Đức Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Văn Đoài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

30449E
CHI
CỔ
TRÁCH N
KIỂM TO
A
TÀ
ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Vũ Ngọc Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2019
Ông Đỗ Đức Thắng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2015
Ông Phạm Mạnh Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Vũ Văn Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Ngọc Ly - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

00
HÀNG
TY
HỮU
HÀ T
C
HÀ NI
- TT

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0287/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.330.070.008	247.073.312.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.229.723.330	25.268.072.516
1. Tiền	111		41.229.723.330	25.268.072.516
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.028.323.925	169.872.190.712
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	48.498.877.868	29.690.135.061
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	56.719.909.766	29.368.289.491
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	53.140.944.878	93.074.712.878
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	17.668.591.413	17.739.053.282
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	57.198.066.659	49.366.331.181
1. Hàng tồn kho	141		58.873.713.458	51.041.977.980
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.675.646.799)	(1.675.646.799)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.873.956.094	2.566.718.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	79.370.531	121.386.148
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.004.232.295	1.719.038.645
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	790.353.268	726.293.254
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.080.607.841	32.629.589.476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		510.787.098	510.787.098
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	510.787.098	510.787.098
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.360.499.358	6.534.683.017
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.360.499.358	6.534.683.017
<i>Nguyên giá</i>	222		12.961.841.910	10.855.946.183
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.601.342.552)	(4.321.263.166)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	14.295.957.327	13.019.177.773
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.295.957.327	13.019.177.773
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.913.364.058	12.564.941.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.913.364.058	12.564.941.588
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		316.410.677.849	279.702.901.932

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		267.713.855.395	232.461.762.556
I. Nợ ngắn hạn	310		266.087.744.289	232.461.762.556
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	57.874.624.676	36.613.340.481
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	87.983.413.367	47.868.482.518
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	19.696.054.151	6.466.682.111
4. Phải trả người lao động	314		1.846.109.319	1.491.763.485
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	26.209.891.542	34.611.398.128
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.365.319.882	2.724.284.989
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	71.112.331.352	102.685.810.844
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.626.111.106	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.626.111.106	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.696.822.454	47.241.139.376
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	48.696.822.454	47.241.139.376
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.012.586.625	1.012.586.625
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		157.474.032	157.474.032
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.526.761.797	6.071.078.719
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.495.078.719	6.071.078.719
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.031.683.078	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		316.410.677.849	279.702.901.932

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thị Thảo

Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	191.260.162.167	95.653.278.642
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191.260.162.167	95.653.278.642
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	173.745.346.982	82.043.715.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.514.815.185	13.609.562.754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.703.680.821	6.899.434.456
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.212.735.468	7.006.707.660
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.212.735.468	7.006.707.660
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.258.372.273	8.440.868.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.747.388.265	5.061.421.376
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.500	16.207.504
12. Chi phí khác	32	VI.7	871.195.134	232.361.389
13. Lợi nhuận khác	40		(871.190.634)	(216.153.885)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.876.197.631	4.845.267.491
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	844.514.553	2.115.997.950
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.031.683.078</u>	<u>2.729.269.541</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>508</u>	<u>538</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>508</u>	<u>538</u>

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thị Thảo

Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.876.197.631		4.845.267.491
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	1.280.079.386		1.093.526.416
- Các khoản dự phòng	03		-		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.696.947.653)		(6.912.413.072)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.212.735.468		7.006.707.660
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.672.064.832		6.033.088.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.318.207.224)		(1.984.519.106)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.831.735.478)		(13.038.472.482)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		66.661.994.441		45.265.692.253
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(306.406.853)		(2.409.182.031)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.203.785.287)		(7.009.000.438)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(2.115.997.950)		(1.203.267.623)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.557.926.481		25.654.339.068
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.382.675.281)		(9.094.226.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-		16.207.504
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-		(37.061.201.966)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	39.933.768.000		8.490.747.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(1.000.000.000)		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-		8.795.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		35.551.092.719		(37.639.678.443)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	123.409.083.808	163.470.776.281
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(153.356.452.194)	(141.972.050.575)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(200.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.147.368.386)	21.498.725.706
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.961.650.814	9.513.386.331
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	25.268.072.516	15.754.686.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	41.229.723.330	25.268.072.516

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thị Thảo

Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp (nhận - giao thầu).

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các hạng mục công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nhưng chủ yếu theo hình thức giao thầu lại cho nhà thầu phụ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 37 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 36 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác hoặc chi phí phải trả cho thầu phụ (đối với các công việc giao cho thầu phụ thực hiện).

Giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí bảo hiểm

Các khoản bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả cho phần Văn phòng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (513 tháng).

Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản là quyền khai thác cát tại khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, được ghi nhận theo giá trị trúng đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã nộp vào Kho bạc Nhà nước. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo sản lượng thực tế khai thác trong thời gian được cấp quyền khai thác là 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	4

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

181
NH
ĐNG
PHI
BAN
A 8
AI H
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy. Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận: tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	571.944.550	447.378.803
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.657.778.780	24.820.693.713
Cộng	<u>41.229.723.330</u>	<u>25.268.072.516</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1017754384 ngày 13 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Louis Group số tiền 1.000.000.000 VND, tương ứng 0,104% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BQL Dự án Cải tạo, Nâng cấp đường Tiến - Thịnh	10.846.096.080	12.212.346.000
Sở Lao động Thương binh Xã hội Nam Định	3.304.794.820	3.352.923.000
BQL Đầu tư Xây dựng Khu đô thị Thị trấn Liễu Đề - Nghĩa Hưng, Nam Định	306.235.000	3.306.235.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Rạng Đông	23.352.090.360	
BQL Dự án Giao thông Nông thôn 3 Nam Định	1.276.451.800	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Đại Thành	5.499.913.580	
Các khách hàng khác	3.913.296.228	10.818.631.061
Cộng	<u>48.498.877.868</u>	<u>29.690.135.061</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh	9.927.384.809	7.424.939.583
Công ty TNHH MTV Giao thông Sông Đà	6.174.428.316	10.452.364.528
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Hoàng Nguyên	7.595.644.000	-
Công ty TNHH Minh Phát Đạt	6.576.107.600	-
Công ty TNHH Pacific Việt Nam	7.106.240.380	-
Công ty TNHH Thi công Cơ giới Komatsu.	8.018.886.360	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Vninco	-	8.095.888.070
Ông Trần Thành Sơn - Đội thi công công trình Huội Quảng	2.296.544.001	2.296.544.001
Các nhà cung cấp khác	9.024.674.300	1.098.553.309
Cộng	<u>56.719.909.766</u>	<u>29.368.289.491</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh vay vốn mua vật tư thực hiện cho từng công trình xây lắp với lãi suất cố định 6,5%/năm được quy định trong hợp đồng giao nhận thầu xây lắp.

Theo điều khoản hợp đồng và Biên bản thỏa thuận ngày 02 tháng 3 năm 2018:

- Việc thu hồi khoản vay được thực hiện dưới hình thức trừ vào giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành, bàn giao hoặc tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.
- Tài sản thế chấp khoản vay gồm toàn bộ giá trị, khối lượng đơn vị thi công tại công trường, máy móc thiết bị thi công, vật tư nhập kho...
- Thời hạn trả nợ vay đến hết ngày 31/12/2020 (đã được gia hạn theo phụ lục ngày 31/3/2019).

Chi tiết phát sinh khoản cho vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	93.074.712.878	63.004.257.912
Cho vay trong năm	-	4.110.626.761
Tăng do thu lại tiền khối lượng công trình nghiệm thu, quyết toán giảm	-	32.950.575.205
Thu lại gốc vay	<u>(39.933.768.000)</u>	<u>(6.990.747.000)</u>
Số cuối năm	<u>53.140.944.878</u>	<u>93.074.712.878</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	1.922.689.000		917.900.000	
Ông Nguyễn Ngọc Tùng - tạm ứng			50.000.000	
Ông Nguyễn Hữu Thiện - tạm ứng	925.589.000		509.900.000	
Ông Phạm Ngọc Hưng - tạm ứng	997.100.000		358.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.745.902.413		16.821.153.282	
Ký cược, ký quỹ	76.315.101		623.564.101	
Tạm ứng	2.446.442.679		1.723.050.679	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh - Tiền thi công dự án Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Nam Định bị cắt giảm			2.461.755.037	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh - Lãi cho vay (*)	11.584.357.331		6.887.409.678	
Giảm giá trị hạng mục Công trình Lai Châu với B phụ	1.564.455.512		4.875.125.518	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	74.331.790		250.248.269	
Cộng	<u>17.668.591.413</u>		<u>17.739.053.282</u>	

(*) Tại thời điểm lập báo cáo này, lãi cho vay chưa thu hồi được là: 11.584.357.331 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ kinh phí cải tạo phục hồi môi trường Dự án “Khai thác mỏ cát làm vật liệu san lấp tại Lô số 1A và 1B (thuộc lô 1) khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định” được thực hiện khai thác trong thời gian 5 năm (từ năm 2018 đến năm 2022)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	112.734.417		4.574.760.782	
Công cụ, dụng cụ	29.804.636		29.804.636	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.731.174.405	(1.675.646.799)	46.437.412.562	(1.675.646.799)
Cộng	58.873.713.458	(1.675.646.799)	51.041.977.980	(1.675.646.799)

Trong năm, Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ		23.804.179
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		27.000.000
Chi phí bảo hiểm	79.370.531	70.581.969
Cộng	79.370.531	121.386.148

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê trụ sở (i)	8.118.196.256	8.322.465.637
Quyền khai thác khoáng sản	4.795.167.802	4.242.475.951
Mỏ cát lô 1B - Nghĩa Hưng ⁽ⁱⁱ⁾	907.272.950	1.317.025.951
Mỏ cát lô 1A - Nghĩa Hưng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.079.695.068	1.423.620.000
Mỏ cát lô 2B Nghĩa Hưng ^(iv)	1.501.830.000	1.501.830.000
Mỏ cát lô 2A Nghĩa Hưng ^(v)	1.306.369.784	
Cộng	12.913.364.058	12.564.941.588

- (i) Tiền thuê trụ sở tại tòa nhà Sông Đà HH4 trả trước cho Tổng Công ty Sông Đà cho thời hạn 50 năm (trừ đi thời gian xây dựng) tính từ thời điểm thuê đến tháng 8 năm 2059.
- (ii) Giấy phép khai thác khoáng sản số 499/GP-STNMT ngày 05/03/2018 cho phép khai thác cát bằng phương pháp lộ thiên tại Lô số 1A khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Diện tích khu vực khai thác 47,31 ha, trữ lượng được khai thác: 1.483.000m³. Thời hạn khai thác là 5 năm.
- (iii) Giấy phép khai thác khoáng sản số 3095/GP-STNMT ngày 10/11/2017 cho phép khai thác cát bằng phương pháp lộ thiên tại Lô số 1B khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Diện tích khu vực khai thác 42,69 ha, trữ lượng được khai thác: 1.562.000m³. Thời hạn khai thác là 5 năm.
- (iv) Giấy phép khai thác khoáng sản số 971/GP-STNMT ngày 24/4/2019 cho phép khai thác cát bằng phương pháp lộ thiên tại Lô số 2A khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Diện tích khu vực khai thác 41,08 ha, trữ lượng được khai thác: 1.539.980 m³. Thời hạn khai thác là 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Giấy phép khai thác khoáng sản số 3813/GP-STNMT ngày 06/12/2019 cho phép khai thác cát bằng phương pháp lộ thiên tại Lô số 2B khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Diện tích khu vực khai thác 48,92 ha, trữ lượng được khai thác: 1.517.200 m³. Thời hạn khai thác là 5 năm..

Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà dài hạn và Quyền khai thác khoáng sản cát của các mỏ 1A và 1B đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 Hà Nội (Xem thuyết minh số V.16).

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	952.000.000	9.625.431.910	219.514.273	59.000.000	10.855.946.183
Mua trong năm	463.283.000	1.200.370.909	35.181.818	407.060.000	2.105.895.727
Số cuối năm	1.415.283.000	10.825.802.819	254.696.091	466.060.000	12.961.841.910
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	88.000.000	1.673.631.910	185.607.000		1.947.238.910
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	681.368.042	3.421.068.044	202.847.922	15.979.158	4.321.263.166
Khấu hao trong năm	232.851.054	970.697.204	21.075.146	55.455.982	1.280.079.386
Phân loại lại	-	1.229.166	(1.229.166)	-	-
Số cuối năm	914.219.096	4.392.994.414	222.693.902	71.435.140	5.601.342.552
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	270.631.958	6.204.363.866	16.666.351	43.020.842	6.534.683.017
Số cuối năm	501.063.904	6.432.808.405	32.002.189	394.624.860	7.360.499.358

Trong đó:

Tạm thời chưa sử
dụng
Đang chờ thanh
lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.062.828.405 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 Hà Nội (Xem thuyết minh số V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác(*)	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	463.283.000	4.062.503.648	(1.698.835.727)	-	2.826.950.921
Xây dựng cơ bản dở dang	12.555.894.773	564.098.545	-	(1.650.986.912)	11.469.006.406
Dự án đầu tư khác thác mỏ cát Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	571.357.929		-		571.357.929
Dự án đầu tư khai thác mỏ cát Nghĩa Phú, xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	426.939.764				426.939.764
Dự án đầu tư khai thác mỏ cát Nghĩa Thắng, xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	715.537.234				715.537.234
Dự án khai thác mỏ cát làm vật liệu san lấp tại Lô 1 khu vực ven biển Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	3.563.856.473	142.045.455		(952.920.366)	2.752.981.562
Dự án khai thác mỏ cát làm vật liệu san lấp tại Lô 2 khu vực ven biển Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	5.507.637.693	422.053.090		(698.066.546)	5.231.624.237
Dự án Cụm công nghiệp Yên Định, huyện Ý Yên, Nam Định	1.770.565.680	-	-	-	1.770.565.680
Cộng	13.019.177.773	4.626.602.193	(1.698.835.727)	(1.650.986.912)	14.295.957.327

(*) Tập hợp chi phí khu mỏ cát lô 1,2 Nghĩa Hưng kết chuyển chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Huy Cận	6.328.600.000	-
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	8.594.616.890	6.704.039.863
Công ty TNHH Minh Phát Đạt	9.695.569.600	-
Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà thép nhất	2.862.265.358	3.917.446.040
Ban điều hành Thủy điện Lai Châu	861.791.275	1.163.611.098
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Alpha	1.074.243.118	2.268.243.805
Các nhà cung cấp khác	28.457.538.435	22.559.999.675
Cộng	<u>57.874.624.676</u>	<u>36.613.340.481</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Minh Đăng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Rạng Đông	37.318.996.567	20.000.000.000
BQL Dự án Đầu tư Giảm sóng ổn định bãi và Trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	228.467.000	9.500.000.000
BQL Dự án Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Định		2.979.213.018
Trường THPT Hoàng Văn Thụ		5.471.209.500
BQL Dự án Giao thông Nông thôn 3 Nam Định (Đường 485B)	42.635.949.800	
BQL dự án Xây dựng đường kết nối QL38 đường Yên Dương	2.800.000.000	4.918.060.000
Cộng	<u>87.983.413.367</u>	<u>47.868.482.518</u>

(*) Nhận ứng trước của Công ty TNHH Thương mại Minh Đăng để thực hiện công trình san lấp chợ bên xe Sapa từ các năm trước. Tuy nhiên, do không nhận được bàn giao mặt bằng nên đã ngừng thực hiện hợp đồng. Hiện tại 02 bên vẫn đang thương thảo để giải quyết vụ việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	441.446.075	726.293.254	17.150.752.440	(17.195.164.773)	461.093.756	790.353.268
<i>Thuế GTGT tại trụ sở chính</i>	-	-	13.859.074.495	(13.859.074.495)	-	-
<i>Thuế GTGT vắng lai ngoại tỉnh</i>	441.446.075	726.293.254	3.291.677.945	(3.336.090.278)	461.093.756	790.353.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.115.997.950	-	844.514.553	(2.115.997.950)	844.514.553	-
Thuế thu nhập cá nhân	137.307.000	-	398.473.442	(462.039.442)	73.741.000	-
Thuế tài nguyên(i)	2.951.941.026	-	13.338.549.264	(1.551.000.000)	14.739.490.290	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường(ii)	819.990.060	-	3.339.046.298	(581.821.806)	3.577.214.552	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	581.821.806	(581.821.806)	-	-
Cộng	6.466.682.111	726.293.254	35.656.157.803	(22.490.845.777)	19.696.054.151	790.353.268

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

- (i) Số thuế tài nguyên từ hoạt động khai thác cát Công ty chưa kê khai trong năm 2019 là 2.242.941.300 VND (trong tháng 1 năm 2020 Công ty đã kê khai đầy đủ để nộp cho Ngân sách Nhà nước).
- (ii) Số phí bảo vệ môi trường từ hoạt động khai thác cát Công ty chưa kê khai trong năm 2019 là 498.431.400 VND ((trong tháng 1 năm 2020 Công ty đã kê khai đầy đủ để nộp cho Ngân sách Nhà nước).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.876.197.631	4.845.267.491
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.346.375.134	2.465.445.971
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.346.375.134	2.465.445.971
Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ VND	475.180.000	475.180.000
Chi phí sai kỳ		24.758.127
Chi phí không được trừ theo biên bản thuế		1.733.146.455
Các khoản phạt	871.195.134	232.361.389
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập tính thuế	<u>4.222.572.765</u>	<u>7.310.713.462</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	844.514.553	1.462.142.692
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	653.855.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>844.514.553</u>	<u>2.115.997.950</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí các công trình	25.972.839.452	34.298.816.736
Công trình Thủy điện Huội Quảng	1.125.343.320	1.071.798.094
Công trình Giao Tiến	6.898.381.562	8.787.708.358
Công trình Đường Tiến Thịnh	10.384.765.575	1.900.000.000
Công trình San lấp KCN Rạng Đông GD2	5.570.003.335	-
Công trình Lai châu	249.372.601	5.046.101.888
Công trình Trường THPT Nguyễn Trường Thi	-	2.174.646.889
Công trình Nhà máy may công nghệ cao Việt Thuận	81.071.935	2.100.599.497
Công trình Xử lý kè Hồng Hà	-	3.597.597.272
Công trình Kè Cồn Tròn	-	3.889.271.026
Công trình Kè Tà Đáy	-	2.004.820.026
Công trình Trường THPT Hoàng Văn Thụ	797.859.095	2.603.332.782
Các công trình khác	866.042.029	1.122.940.904
Lãi vay phải trả	237.052.090	312.581.392
Cộng	<u>26.209.891.542</u>	<u>34.611.398.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>672.400.000</i>	<i>296.400.000</i>
Thù lao Hội đồng quản trị	672.400.000	96.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà - Phải trả tiền cổ tức		200.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>692.919.882</i>	<i>2.427.884.989</i>
Kinh phí công đoàn	30.694.191	24.765.320
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	237.955.431	642.610.656
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.935.000	6.935.000
Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Ngọc Mai - Phải trả tiền thi công công trình		1.391.927.579
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	267.335.260	161.646.434
Cộng	<u>1.365.319.882</u>	<u>2.724.284.989</u>

16. Vay ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>580.880.000</i>
Vay ông Nguyễn Ngọc Tùng	-	580.880.000
Vay ông Đoàn Văn Đoán	1.000.000.000	
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>69.952.622.826</i>	<i>71.577.785.538</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Láng Hạ	-	5.726.803.909
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽ⁱ⁾	69.952.622.826	65.850.981.629
<i>Vay các tổ chức khác</i>	<i>6.375.190</i>	<i>30.527.145.306</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Vninco ⁽ⁱⁱ⁾	6.375.190	30.527.145.306
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	<i>153.333.336</i>	
Cộng	<u>71.112.331.352</u>	<u>102.685.810.844</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/3556106/HĐTDHM ngày 27/8/2019, hạn mức tín dụng thường xuyên là 136 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/07/2020, lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê dài hạn diện tích tại tầng 15 nhà A tòa HH4 Sông Đà, Quyền khai thác khoáng sản lô 1A, 1B, 2B khu vực ven biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay không tính lãi và không có tài sản bảo đảm để bổ sung vốn kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	71.577.785.538	120.489.083.808		(122.114.246.520)	69.952.622.826
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	30.527.145.306			(30.520.770.116)	6.375.190
Vay ngắn hạn các cá nhân	580.880.000			(580.880.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả			153.333.336		153.333.336
Cộng	102.685.810.844	120.489.083.808	153.333.336	(153.215.896.636)	70.112.331.352

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay các tổ chức khác</i>	1.626.111.106	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam ⁽ⁱ⁾	626.111.106	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Thương mại Đại An ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	
Cộng	1.626.111.106	

(i) Là khoản vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1000315701 ngày 03/01/2019 để mua xe ô tô với lãi suất 6,99%/năm trong thời gian 72 tháng, khoản vay được bảo đảm bằng xe ô tô Toyota mang biển số 30F-535.98(Xem thuyết minh số V.9).

(ii) Là khoản vay không có tài sản bảo đảm trong thời hạn 3 năm để góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đầu tư Louis Group (Xem thuyết minh số V.2).

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	153.333.336	
Trên 1 năm đến 5 năm	1.626.111.106	
Trên 5 năm		
Cộng	1.779.444.442	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	1.920.000.000
Số tiền vay đã trả	(140.555.558)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(153.333.336)
Số cuối năm	1.626.111.106

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	40.000.000.000		157.474.032	3.341.809.178	44.511.869.835
Lợi nhuận trong năm trước				2.729.269.541	2.729.269.541
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	6.071.078.719	47.241.139.376
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	6.071.078.719	47.241.139.376
Lợi nhuận trong năm				2.031.683.078	2.031.683.078
Chi trả thù lao cho HĐQT				(576.000.000)	(576.000.000)
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	1.012.586.625	157.474.032	7.526.761.797	48.696.822.454

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát số tiền 576.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu khai thác mỏ cát (*)	107.867.505.983	7.415.400.000
Doanh thu bán vật tư	4.563.557.800	10.049.059.462
Doanh thu xây lắp	78.392.734.748	78.188.819.180
Doanh thu cho thuê văn phòng	436.363.636	
Cộng	<u>191.260.162.167</u>	<u>95.653.278.642</u>

(*) Trong tháng 12/2019, Công ty đã thực hiện ghi nhận doanh thu công trình san lấp mặt bằng thực hiện cho Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông, số tiền 20.956.797.429 VND. Công ty chưa thực hiện xuất hóa đơn GTGT đầu ra, chưa hạch toán và kê khai thuế GTGT đầu ra phải nộp, số thuế GTGT là 2.095.679.743 VND trong tháng 12/2019. Vào ngày 09 tháng 1 năm 2020, Công ty đã xuất hóa đơn và hạch toán, kê khai thuế GTGT đối với khoản doanh thu này.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn khai thác mỏ cát	98.353.784.829	4.199.793.947
Giá vốn bán vật tư	4.462.026.365	9.941.262.918
Giá vốn hoạt động xây lắp	70.789.899.424	67.902.659.023
Giá vốn cho thuê văn phòng	139.636.364	
Cộng	<u>173.745.346.982</u>	<u>82.043.715.888</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		8.795.890
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.733.168	3.228.888
Lãi tiền cho vay	4.696.947.653	6.887.409.678
Cộng	<u>4.703.680.821</u>	<u>6.899.434.456</u>

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.554.052.770	3.638.273.218
Chi phí vật liệu quản lý	657.601.951	629.386.932
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.487.536	44.968.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.093.992.108	848.241.340
Thuế, phí và lệ phí	116.478.018	91.027.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.270.223.936	1.644.243.114
Các chi phí khác	1.548.535.954	1.544.728.135
Cộng	<u>12.258.372.273</u>	<u>8.440.868.174</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		16.207.504
Thu nhập khác	4.500	
Cộng	4.500	16.207.504

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản thuế phạt chậm nộp	766.657.782	120.415.968
Các khoản bảo hiểm phạt chậm nộp	103.973.342	111.945.421
Chi phí khác	564.010	
Cộng	871.195.134	232.361.389

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.031.683.078	2.729.269.541
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Chi thù lao HĐQT và BKS		(576.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.031.683.078	2.153.269.541
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	508	538

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do phải điều chỉnh hồi tố số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2018 Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 31 tháng 7 năm 2019 (Xem thuyết minh số VII.3). Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 963 VND xuống còn 538 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.119.628.316	15.112.698.087
Chi phí nhân công	7.626.958.943	5.089.215.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.280.079.386	987.463.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.556.109.312	2.738.135.068
Chi phí thuê phụ	157.618.508.672	68.646.779.490
Chi phí khác	15.096.196.469	7.005.999.422
Cộng	198.297.481.098	99.580.291.617

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Thù lao		408.000.000
Tạm ứng	1.077.789.000	509.900.000
Hoàn ứng	73.000.000	

Cam kết bảo lãnh

Ông Vũ Văn Đoài và ông Đoàn Ngọc Ly dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Láng Hạ với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 9.104.840.000 VND (xem thuyết minh số V.16).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.931.930.955	2.253.167.091
Thù lao		264.000.000
Cộng	<u>1.931.930.955</u>	<u>2.517.167.091</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình.
- Lĩnh vực Khai thác khoáng sản: Khai thác cát.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư và cho thuê văn phòng

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực khai thác khoáng sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	78.392.734.748	107.867.505.983	4.999.921.436	191.260.162.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.392.734.748	107.867.505.983	4.999.921.436	191.260.162.167
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.602.835.324	9.513.721.154	398.258.707	17.514.815.185
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.258.372.273)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.256.442.912
Doanh thu hoạt động tài chính				4.703.680.821
Chi phí tài chính				(6.212.735.468)
Thu nhập khác				4.500
Chi phí khác				(871.195.134)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(844.514.553)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.031.683.078
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	863.153.744	1.187.689.675	55.052.307	2.105.895.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	524.672.376	721.943.186	33.463.824	1.280.079.386
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực Xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khai thác khoáng sản</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	78.188.819.180	7.415.400.000	10.049.059.462	95.653.278.642
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.188.819.180	7.415.400.000	10.049.059.462	95.653.278.642
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.286.160.157	3.215.606.053	107.796.544	13.609.562.754
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.440.868.174)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.168.694.580
Doanh thu hoạt động tài chính				6.899.434.456
Chi phí tài chính				(7.006.707.660)
Thu nhập khác				16.207.504
Chi phí khác				(232.361.389)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.115.997.950)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.729.269.541
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	326.967.649	31.009.496	42.022.854	400.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	893.869.404	84.774.259	114.882.753	1.093.526.416
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lấp	Lĩnh vực khai thác khoáng sản	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.268.401.695	65.886.407.337	5.499.913.580	139.654.722.612
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				176.755.955.237
Tổng tài sản				316.410.677.849
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	119.246.307.993	70.901.274.344		190.147.582.337
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				77.566.273.058
Tổng nợ phải trả				267.713.855.395
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	111.270.430.755	20.615.642.105		131.886.072.860
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				147.816.829.072
Tổng tài sản				279.702.901.932
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	100.172.567.314	23.771.931.086		123.944.498.400
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				108.517.264.156
Tổng nợ phải trả				232.461.762.556

3. Số liệu so sánh

3a. Các sai sót

Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 31 tháng 7 năm 2019.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1.839.454.613	(120.415.968)	1.719.038.645	(*)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.466.197.562	1.000.484.549	6.466.682.111	(*)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.191.979.236	(1.120.900.517)	6.071.078.719	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí khác	32	111.945.421	120.415.968	232.361.389	(*)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.115.513.401	1.000.484.549	2.115.997.950	(*)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.850.170.058	(1.120.900.517)	2.729.269.541	(*)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	1	4.965.683.459	(120.415.968)	4.845.267.491	(*)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	45.145.276.285	120.415.968	45.265.692.253	(*)

(*) Điều chỉnh các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, do đó làm tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 1.000.484.549 VND, giảm thuế GTGT được khấu trừ 120.415.968 VND và làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 1.120.900.517 VND.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thị Thảo

Kế toán trưởng

Đỗ Đức Thắng

Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Ly